

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>2,930 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>-3.0%</b>	<b>-4.9%</b>	<b>-10.7%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,880 - 4,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
Số lượng CPLH (CP)	76,756,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)	103,395
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.37
EPS	240
P/E	12.2

**DT thuần**  
Q1/24

**43.5**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼88.5 | -67.1%  
YoY: ▼30.5 | -41.2%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**30.3**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.4 | 400%  
YoY: ▲ 35.6 | 674%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**27.5**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.7 | 346%  
YoY: ▲ 32.8 | 622%

**ROA**  
2023

**-1.0%**

+/- YoY: ▼ 0.4%

**DT thuần**  
2023

**346**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 117 | 50.8%

**LN trước thuế**  
2023

**-29.4**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼19.2 | -188%

**LN sau thuế**  
2023

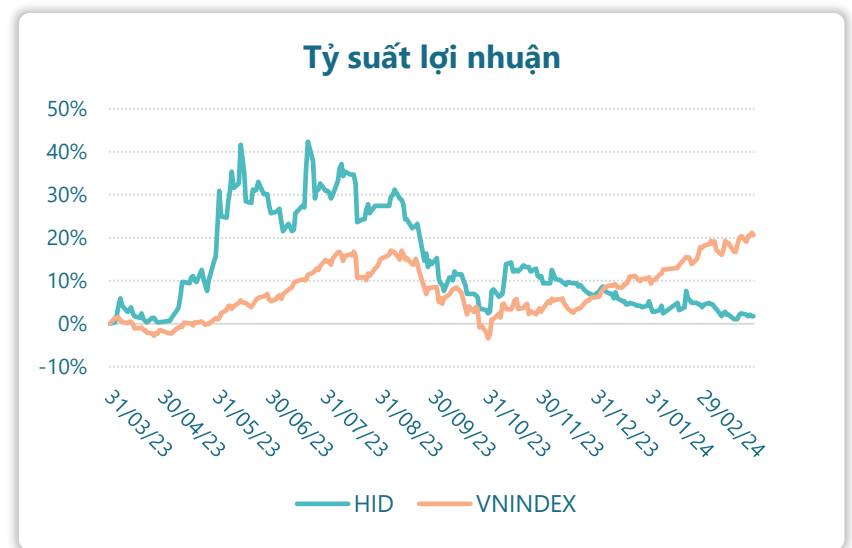
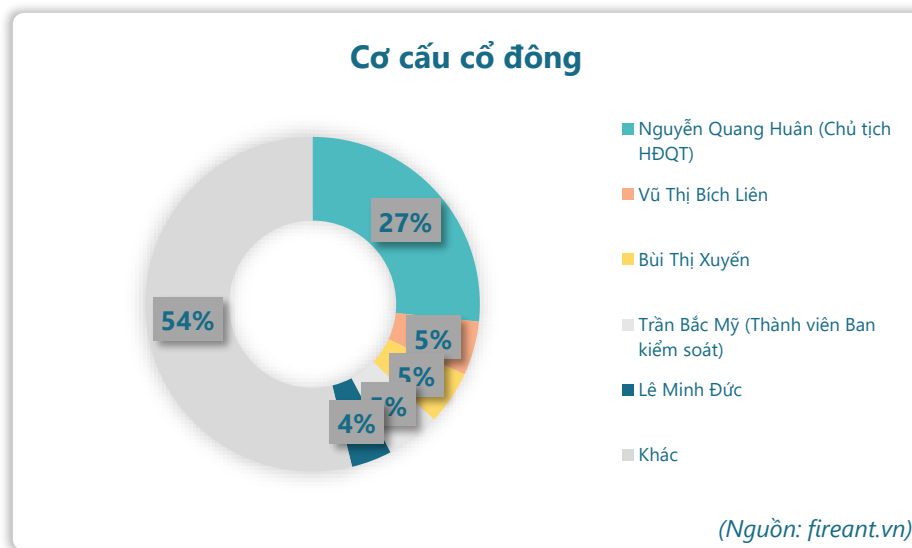
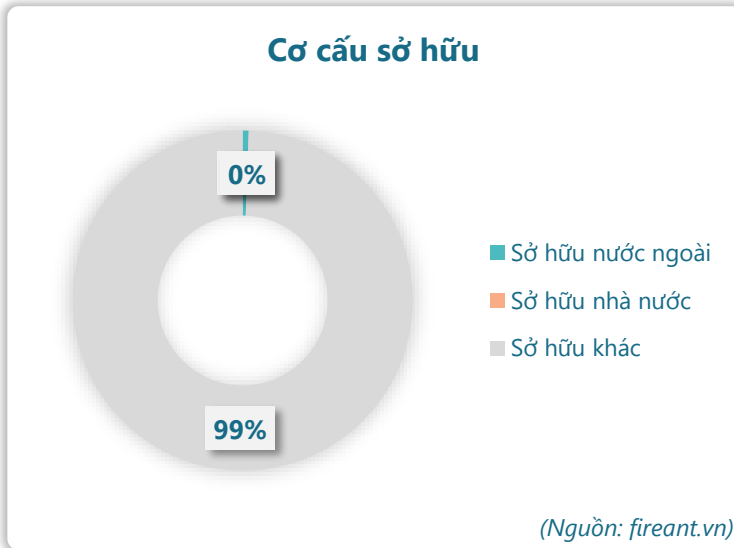
**-32.7**  
tỷ VNĐ

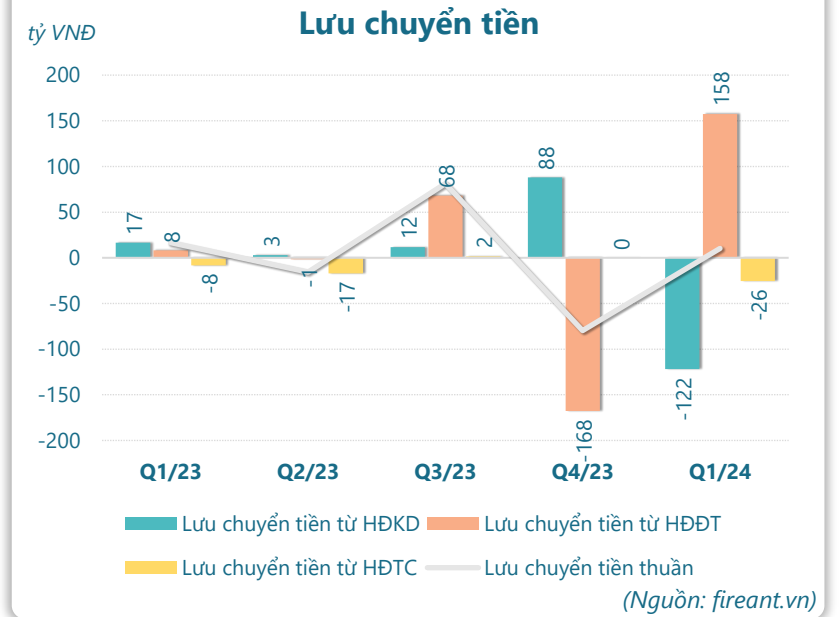
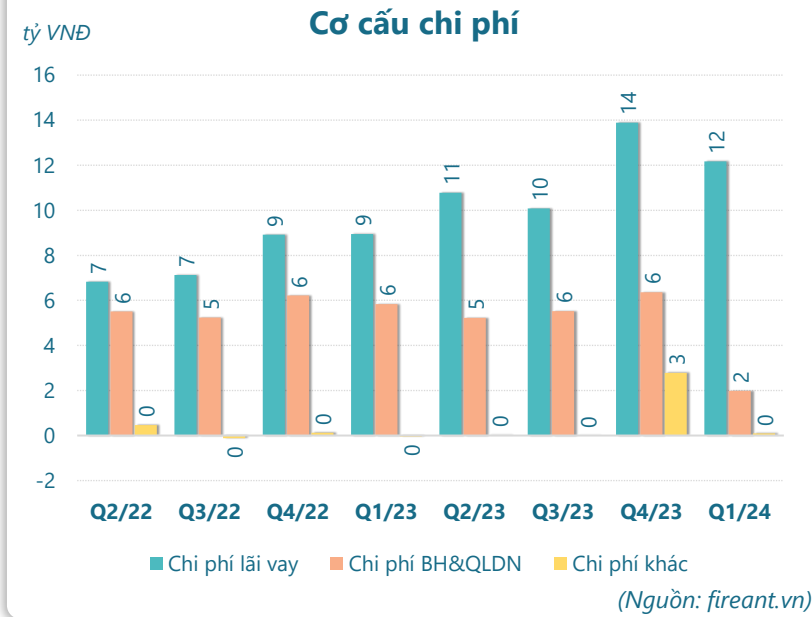
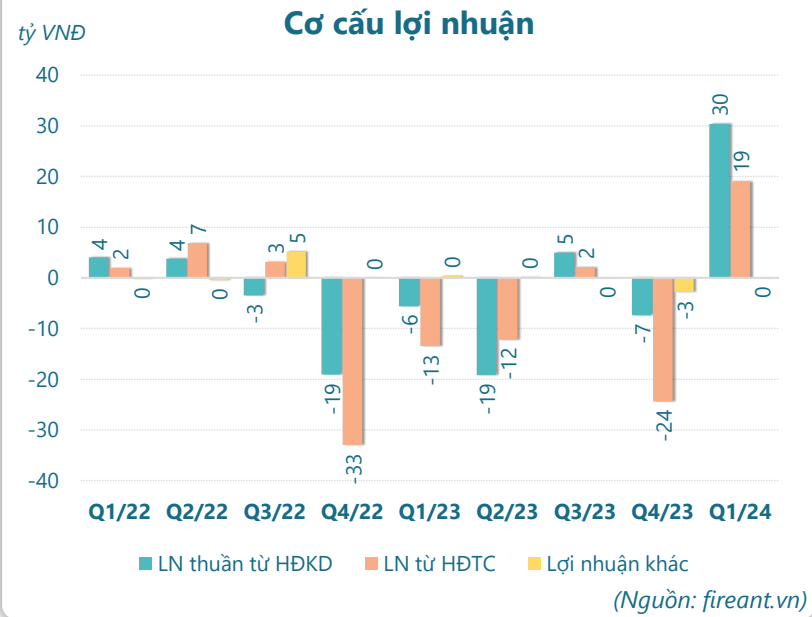
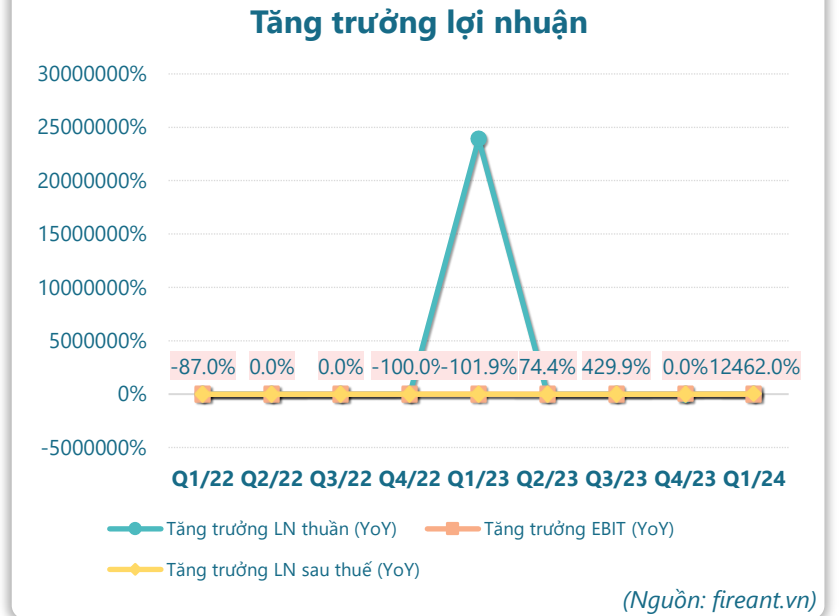
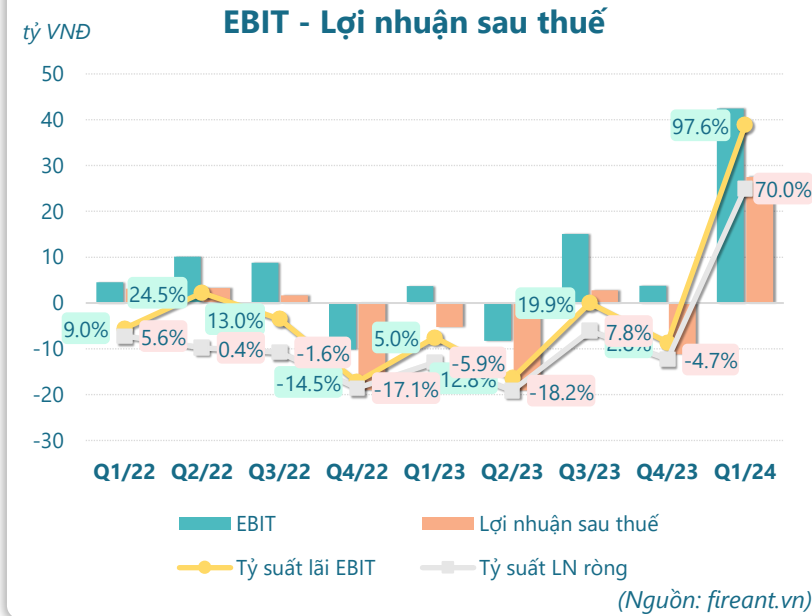
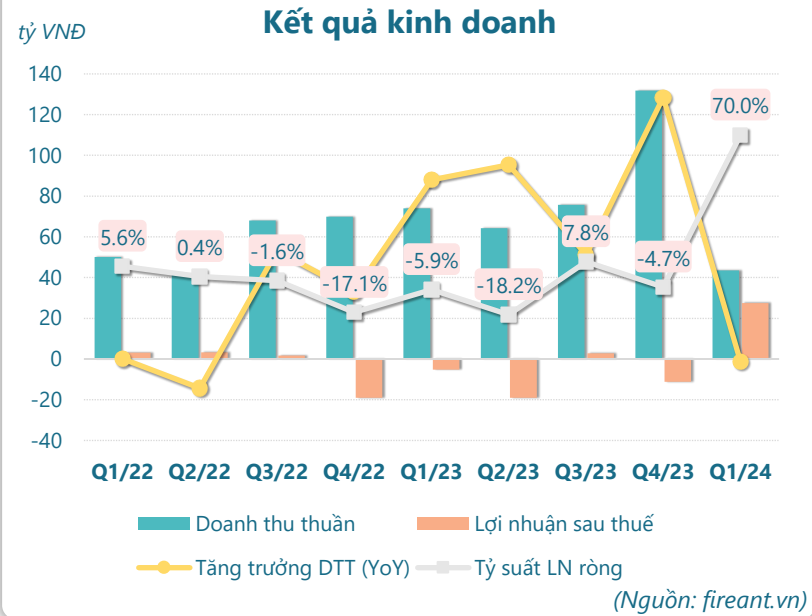
YoY: ▼21.7 | -199%

**ROE**  
2023

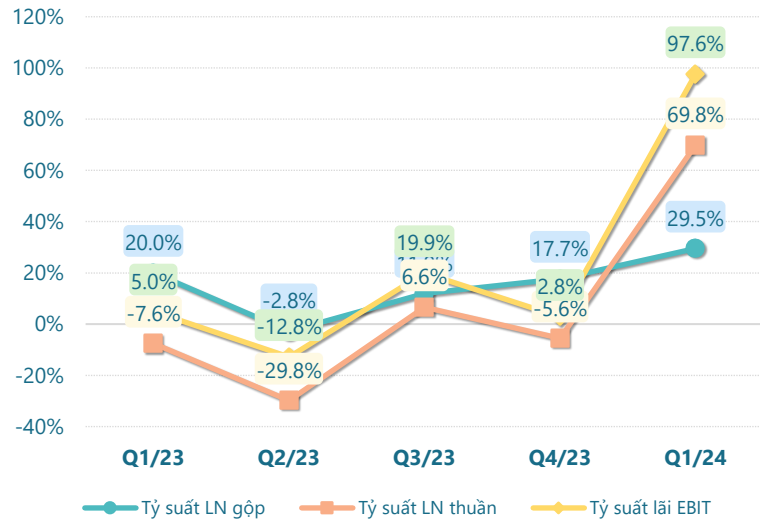
**-1.7%**

+/- YoY: ▼ 0.6%



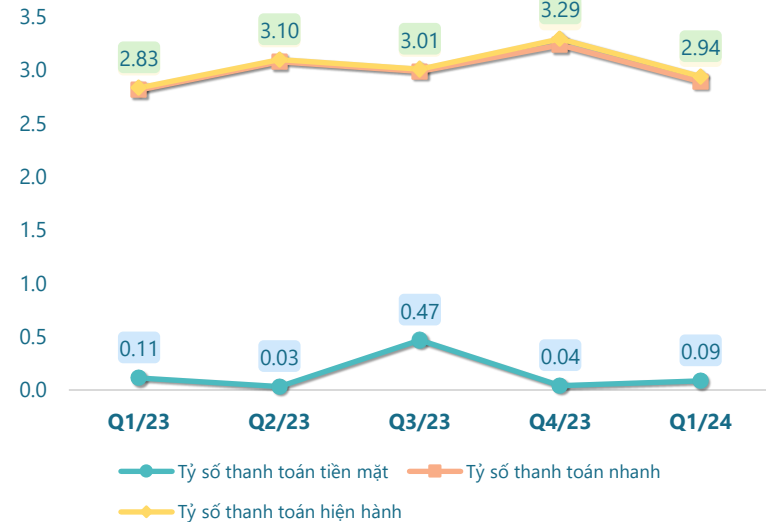


Tỷ suất lợi nhuận



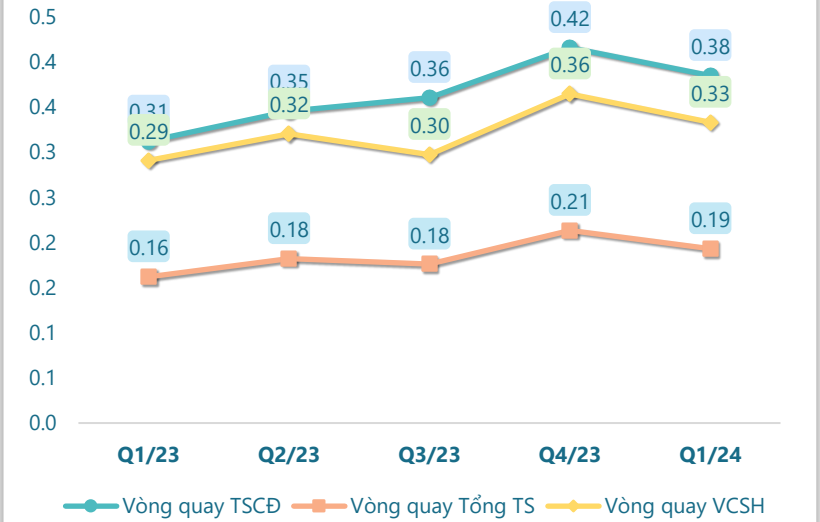
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



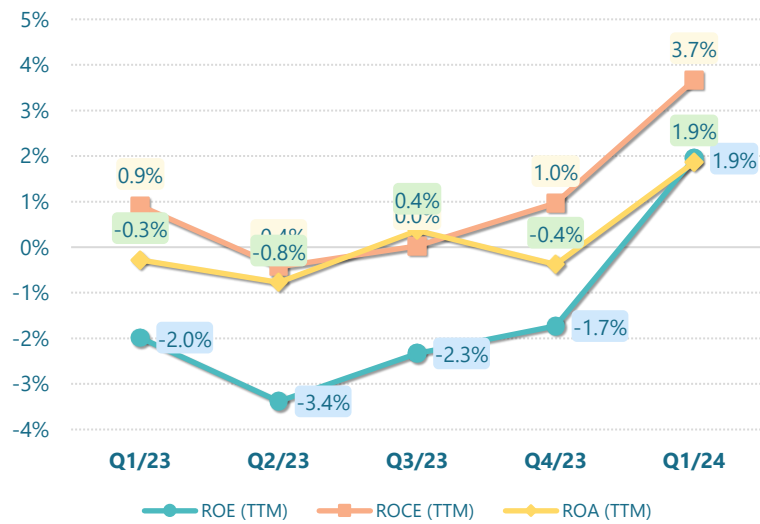
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



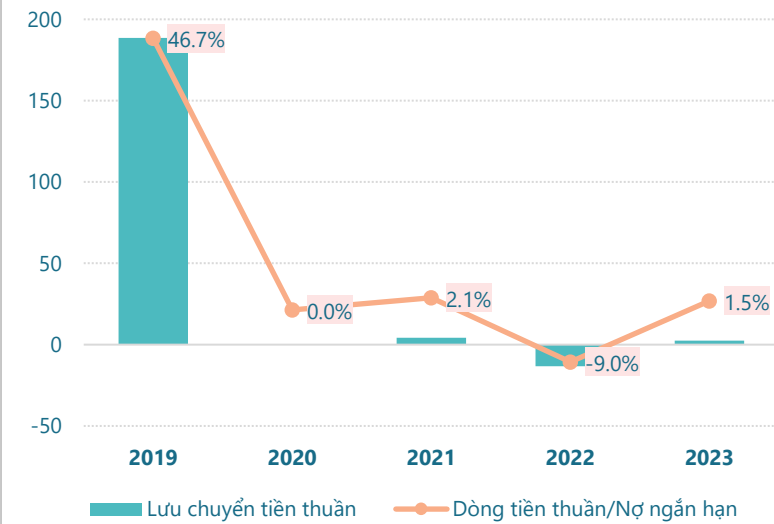
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



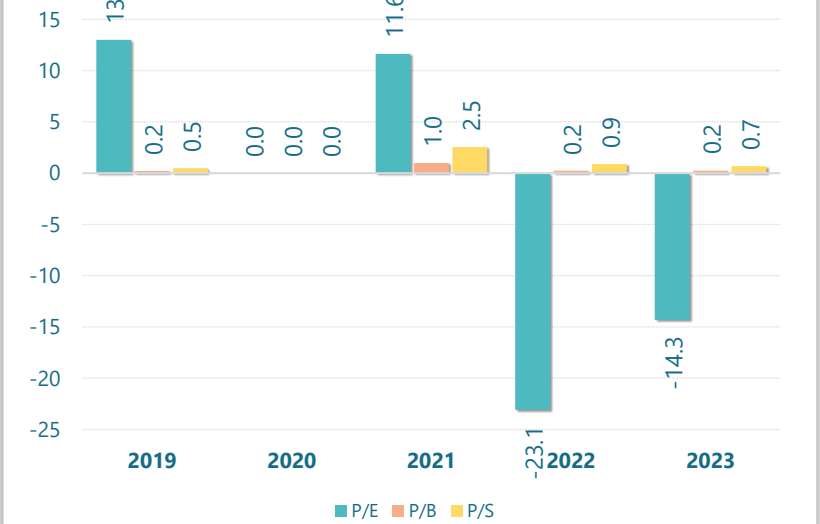
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)